

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021



Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 25

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 ngày 25 tháng 08 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên	
Ông Phan Anh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 09 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 07 tháng 09 năm 2021
Ông Preben Hjortlund	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Yến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Việt Sơn, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.


Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

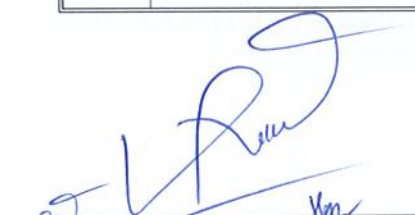
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		675.423.004.246	803.739.913.822
110	I. Tiền	4	9.680.756.913	1.959.880.913
111	1. Tiền		9.680.756.913	1.959.880.913
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		656.767.757.450	783.100.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	656.767.757.450	738.600.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	-	44.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.974.489.883	18.137.633.250
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	8.431.453.636	3.234.013.466
132	2. Trả trước cho người bán		94.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	449.036.247	14.903.619.784
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	542.399.659
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	539.399.659
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		-	3.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		409.512.186.579	319.960.922.607
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn	8	409.396.445.805	319.796.445.805
251	1. Đầu tư vào công ty con	8.1	278.971.445.805	223.871.445.805
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.2	130.425.000.000	95.925.000.000
260	II. Tài sản dài hạn khác		115.740.774	164.476.802
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		115.740.774	164.476.802
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.084.935.190.825	1.123.700.836.429

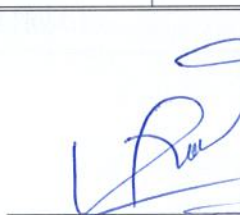
510
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 THƯƠNG
 MẠI
 DỊCH
 VỤ
 TNS
 HOLDINGS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		509.947.511.061	741.150.674.268
310	I. Nợ ngắn hạn		509.947.511.061	741.150.674.268
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	206.000.000	739.954.443.039
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.091.583.841	507.301.772
314	3. Phải trả người lao động		41.174.744	20.965.352
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	8.030.361.644	503.494.673
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		9.778.390.832	164.469.432
320	6. Vay và nợ ngắn hạn	12	490.800.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		574.987.679.764	382.550.162.161
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	574.987.679.764	382.550.162.161
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		338.367.370.000	214.059.840.000
411	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		338.367.370.000	214.059.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		202.952.353.409	167.479.090.909
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.667.956.355	1.011.231.252
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		33.667.956.355	1.011.231.252
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.084.935.190.825	1.123.700.836.429


Phạm Thị Tâm Dung
Người lập biểu


Phạm Thị Tâm Dung
Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	2.399.401.295	-	7.458.345.167	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.399.401.295	-	7.458.345.167	-
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	15	2.399.401.295	-	7.458.345.167	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	13.404.286.996	4.219.556.225	159.161.626.353	48.770.460.640
22	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.030.361.644 8.030.361.644	-	8.109.582.191 8.109.582.191	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	157.328.191	3.052.246.188	1.138.103.458	6.692.085.010
30	10. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.216.597.161	1.167.310.037	149.913.940.704	42.078.375.630
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-	-	-
50	14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế		5.216.597.161	1.167.310.037	149.913.940.704	42.078.375.630
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	(1.636.680.568)	580.931.101	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.853.277.729	1.167.310.037	149.333.909.603	42.078.375.630

Phạm Thị Tâm Dung
Người lập biểu

Phạm Thị Tâm Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		149.913.940.704	42.078.375.630
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11	(136.295.056.027)	(48.770.460.640)
06	Chi phí lãi vay		8.109.582.191	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.728.466.868	(6.692.085.010)
09	Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu		9.010.873.751	(245.267.333)
11	(Giảm)/ Tăng các khoản phải trả		(441.062.071.252)	(82.063.541)
12	Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước		48.736.028	(163.597.940)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		81.832.242.550	-
14	Lãi vay đã trả		(79.220.547)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		(328.520.972.602)	(7.183.013.824)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(44.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		44.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(89.600.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		136.989.725.302	50.000.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		91.889.725.302	5.500.000.000
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		54.771.512.500	-
33	Tiền thu từ đi vay		191.500.000.000	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.919.389.200)	(104.880.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		244.352.123.300	(104.880.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.720.876.000	(1.787.893.824)
60	Tiền đầu kỳ		1.959.880.913	2.591.473.265
70	Tiền cuối kỳ	4	9.680.756.913	803.579.441

Phạm Thị Tâm Dung
Người lập biểu

Phạm Thị Tâm Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 ngày 25 tháng 08 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 22 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 34 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty có 7 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99,52%	99,52%	Tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá	51%	51%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	94,75%	94,75%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,75%	99,75%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
6	Công ty Cổ phần TNTech	99,51%	99,51%	Tầng 21, tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ và giải pháp công nghệ thông tin
7	Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	99%	99%	Tầng 26, tòa tháp A, số 54 A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ tuyển dụng, cho thuê nhân sự, tư vấn chiến lược nhân sự, đào tạo, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021 vào ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) ; và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến
 hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc đầu tư tài chính, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	337.500.000	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng	9.343.256.913	1.622.380.913
TỔNG CỘNG	9.680.756.913	1.959.880.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến
 hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Ngày 30 tháng 09 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	36.464.399	656.767.757.450	656.767.757.450	39.900.000	738.600.000.000	738.600.000.000

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	44.500.000.000	44.500.000.000

Đơn vị tính: VND

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 19)	8.431.453.636	3.234.013.466
TỔNG CỘNG	8.431.453.636	3.234.013.466

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu lãi	375.066.667	1.168.751.597
Phải thu ngắn hạn khác	73.969.580	10.369.580
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	-	13.724.498.607
TỔNG CỘNG	449.036.247	14.903.619.784

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	278.971.445.805	-	278.971.445.805	223.871.445.805	-	223.871.445.805
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	130.425.000.000	-	130.425.000.000	95.925.000.000	-	95.925.000.000
TỔNG CỘNG	409.396.445.805	-	409.396.445.805	319.796.445.805	-	319.796.445.805

8.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Đơn vị	Ngày 30 tháng 09 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số (*)	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	26.993.945.805	-	26.993.945.805	4.993.945.805	-	4.993.945.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đầu thầu, thẩm định giá	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	4.737.500.000	-	4.737.500.000	4.737.500.000	-	4.737.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	3.690.000.000	-	3.690.000.000	1.690.000.000	-	1.690.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần TNTech	209.300.000.000	-	209.300.000.000	178.200.000.000	-	178.200.000.000
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	29.700.000.000	-	29.700.000.000	29.700.000.000	-	29.700.000.000
TỔNG CỘNG	278.971.445.805	-	278.971.445.805	223.871.445.805	-	223.871.445.805

(*) Phần vốn đầu tư/cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại các công ty này.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 09 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	99,52%	99,52%	99%	99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTTrading	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	94,75%	94,75%	94,75%	94,75%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	99,75%	99,75%	99,5%	99,5%
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần TNTech	99,51%	99,51%	99%	99%
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	99%	99%	99%	99%

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

8.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Ngày 30 tháng 09 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh (i)	4.440.000	44.400.000.000	-	44.400.000.000	4.440.000	44.400.000.000	-	44.400.000.000
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam (ii)	371.250	37.125.000.000	-	37.125.000.000	371.250	37.125.000.000	-	37.125.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (iii)		14.400.000.000	-	14.400.000.000		14.400.000.000	-	14.400.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng tài chính kỹ thuật số TNEX	3.450.000	34.500.000.000	-	34.500.000.000				
TỔNG CỘNG	8.261.250	130.425.000.000	-	130.425.000.000	4.811.250	95.925.000.000	-	95.925.000.000

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2901953072 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2018 và có trụ sở chính tại Tòa nhà Bưu điện tỉnh Nghệ An, số 2, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

8.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (ii) Công ty Cổ phần AAC Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102526578 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 11 năm 2017 và có trụ sở chính tại số 4, Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty này đang trong quá trình triển khai thực hiện Dự Án Việt Yên Central Park – Thị Trấn Bích Động với tổng vốn đầu tư dự kiến là 232 tỷ đồng.
- (iii) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2500222438 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 8 năm 2003 và có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- (iv) Công ty Cổ phần Dịch vụ và nền tảng tài chính kỹ thuật số TNEX hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109602813 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 04 năm 2021, hoạt động chính trong lĩnh vực lập trình máy vi tính

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty này như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 09 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh	8,00%	8,00%	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	8,00%	8,00%	8,00%	8,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức	1,85%	1,85%	9,00%	9,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và nền tảng tài chính kỹ thuật số TNEX	15%	15%	-	-

Do chưa có đủ thông tin cần thiết, Công ty chưa xác định được phần giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2021.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh	-	460.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TNCONS Việt Nam	-	278.600.000.000
Phải trả khác	206.000.000	1.354.443.039
TỔNG CỘNG	206.000.000	739.954.443.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2021</i>
Thuế thu nhập cá nhân	196.992.033	894.177.256	(920.364.200)	170.805.089
Thuế giá trị gia tăng	310.309.739	30.437.912	-	340.747.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	580.031.101	-	580.031.101
TỔNG CỘNG	507.301.772	1.504.646.269	(920.364.200)	1.091.583.841

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dịch vụ chuyên nghiệp	-	390.000.000
Các khoản phải trả khác	8.030.361.644	113.494.673
TỔNG CỘNG	8.030.361.644	503.494.673

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>		<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2021</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower (*)	-	-	191.500.000.000	191.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc 501.9 (*)	-	-	299.300.000.000	299.300.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	490.800.000.000	490.800.000.000

(*) Khoản vay Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc 501.9 có lãi suất là 11%/năm với thời hạn là 1 năm, được dùng để thanh toán cho các khoản phải trả nhà cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	133.000.000.000	-	827.109.801	133.827.109.801
- Tăng vốn trong kỳ	42.559.840.000		(42.559.840.000)	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	42.078.375.630	42.078.375.630
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2020	<u>175.559.840.000</u>	<u>-</u>	<u>345.645.431</u>	<u>175.905.485.431</u>
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	214.059.840.000	167.479.090.909	1.011.231.252	382.550.162.161
- Tăng vốn trong kỳ (*)	19.298.250.000	35.451.762.500	-	54.750.012.500
- Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	105.009.280.000	-	(105.009.280.000)	-
- Chi trả cổ tức bằng tiền (**)	-	-	(11.667.904.500)	(11.667.904.500)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	149.333.909.603	149.333.909.603
- Tăng khác	-	21.500.000	-	21.500.000
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2021	<u>233.358.090.000</u>	<u>202.952.353.409</u>	<u>33.667.956.355</u>	<u>574.987.679.764</u>

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ-TNS, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu trong thời gian từ ngày 27 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 03 năm 2021. Tại ngày lập báo cáo, Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn và niêm yết bổ sung các cổ phiếu phát hành thêm.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về phân phối lợi nhuận năm 2020, Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo tỉ lệ 50%, trong đó 45% bằng cổ phiếu và 5% bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Vốn cổ phần đã góp

	Ngày 30 tháng 09 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hòm	203.649.600.000	60,19%	140.448.000.000	65,61%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	40.390.510.000	11,94%	25.555.550.000	11,94%
Các cổ đông khác	94.327.260.000	27,87%	48.056.290.000	22,45%
TỔNG CỘNG	338.367.370.000	100%	214.059.840.000	100%

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	214.059.840.000	133.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	19.298.250.000	-
Số cuối kỳ	233.358.090.000	133.000.000.000

13.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đăng ký phát hành	23.335.809	21.405.984
Cổ phiếu phổ thông	23.335.809	21.405.984
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.335.809	21.405.984
Cổ phiếu phổ thông	23.335.809	21.405.984
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	23.335.809	21.405.984
Cổ phiếu phổ thông	23.335.809	21.405.984
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

14. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.399.401.295	-	7.458.345.167	-
TỔNG CỘNG	2.399.401.295	-	7.458.345.167	-
<i>Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>2.399.401.295</i>	<i>-</i>	<i>7.458.345.167</i>	<i>-</i>

15. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.399.401.295	-	7.458.345.167	-
TỔNG CỘNG	2.399.401.295	-	7.458.345.167	-

16. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Cổ tức được chia	13.400.000.000	4.104.503.419	135.697.400.000	48.654.503.419
Lãi chứng khoán	-	-	22.866.570.326	-
Lãi tiền gửi	4.286.996	115.052.806	597.656.027	115.957.221
TỔNG CỘNG	13.404.286.996	4.219.556.225	159.161.626.353	48.770.460.640

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Chi phí nhân công	157.726.737	2.006.478.231	1.137.632.027	4.716.064.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(398.546)	696.452.855	(398.546)	942.542.262
Thuế, phí và lệ phí	-	-	-	3.000.000
Chi phí khác	-	349.315.102	869.977	1.030.478.043
TỔNG CỘNG	157.328.191	3.052.246.188	1.138.103.458	6.692.085.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	5.216.597.161	1.167.310.037	149.913.940.704	42.078.375.630
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.043.319.432	163.423.405	29.982.788.141	5.890.972.588
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.680.000.000)	(163.423.405)	(29.402.757.040)	(5.890.972.588)
Chi phí thuế TNDN	(1.636.680.568)	-	580.031.101	-

18.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của giai đoạn hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến
 hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý 3 năm nay</i>	<i>Quý 3 năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.236.561.864	-
		Thu nhập từ cổ tức được hưởng	133.190.000.000	44.550.000.000
		Góp vốn	22.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.419.339.579	-
		Thu nhập từ cổ tức được hưởng	2.507.400.000	-
		Góp vốn	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	454.046.230	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	348.397.494	-
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Góp vốn	31.100.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến
 hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	5.760.218.050	2.106.092.371
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	1.561.273.537	666.262.434
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	499.450.854	233.116.968
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	610.511.195	228.541.693
TỔNG CỘNG			8.431.453.636	3.234.013.466

Thù lao các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Số tiền</i>
Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	138.461.535
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (*)	-
Ông Preben Hjortlund	Thành viên HĐQT	536.200.000
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	138.461.535
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	119.999.997

Thu nhập Ban điều hành trong kỳ: 1.452.000.000 VND.

(*) Ông Nguyễn Việt Sơn là thành viên HĐQT tham gia điều hành nên không nhận thù lao cho thành viên HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến
hết ngày 30 tháng 09 năm 2021

20. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Phạm Thị Tâm Dung
Người lập biểu


Phạm Thị Tâm Dung
Kế toán trưởng





Ngày 29 tháng 10 năm 2021

